

khác biệt về số lượng tổn thương trên mỗi bệnh nhân ($0 = 0,87$), tuy nhiên độ dài của các tổn thương tủy cao hơn đáng kể ở nhóm NMOSD so với nhóm MS ($p < 0,00001$).⁵ Như vậy, không thể dựa vào vị trí và số lượng tổn thương để làm tiêu chí phân biệt hai bệnh vì các kết quả không đồng nhất giữa các nghiên cứu. Chỉ có độ dài tổn thương là yếu tố tin cậy để phân biệt hai bệnh.

V. KẾT LUẬN

Viêm tủy do MS và NMOSD là bệnh lý tự miễn có thể gây tổn thương tủy vĩnh viễn dẫn đến sự tàn phế nghiêm trọng, đặc biệt là khi không được điều trị sớm và thích hợp. Phản ứng viêm và mức độ tổn thương của bệnh nhân NMOSD thường nặng hơn MS. Ngoài kháng thể AQP4-IgG đặc hiệu cho NMOSD, các đặc điểm tổn thương trên MRI tủy sống như độ dài tổn thương và dấu “đốm sáng” có thể giúp chẩn đoán phân biệt hai bệnh. Sự kết hợp các đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng có hiệu quả trong việc chẩn đoán để có chiến lược điều trị phù hợp sớm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Presas-Rodríguez S, Grau-López L, Hervás-García JV, et al. Myelitis: Differences between multiple sclerosis and other aetiologies. *Neurologia*. 2016;31(2):71-75. doi:10.1016/j.nrl.2015.07.006.
2. Bourre B, Zéphir H, Ongagna JC, et al. Long-term follow-up of acute partial transverse myelitis. *Arch Neurol*. 2012;69(3):357-362. doi:10.1001/archneurol.2011.949.
3. Mealy MA, Wingerchuk DM, Greenberg BM, et al. Epidemiology of neuromyelitis optica in the United States: a multicenter analysis. *Arch Neurol*. 2012;69(9):1176-1180. doi:10.1001/archneurol.2012.314.
4. Jarius S, Ruprecht K, Wildemann B, et al. Contrasting disease patterns in seropositive and seronegative neuromyelitis optica: A multicentre study of 175 patients. *J Neuroinflammation*. 2012;9:14. doi:10.1186/1742-2094-9-14.
5. Alqwaify M, Althobaiti AH, AlAibani NS, et al. Patterns of Adult Neuromyelitis Optica Spectrum Disorder Patients Compared to Multiple Sclerosis: A Systematic Review and Meta-Analysis. *Cureus*. 2023;15(10):e47565. doi:10.7759/cureus.47565.
6. Jarius S, Aktas O, Ayzenberg I, et al. Update on the diagnosis and treatment of neuromyelitis optica spectrum disorders (NMOSD) - revised recommendations of the Neuromyelitis Optica Study Group (NEMOS). Part I: Diagnosis and differential diagnosis. *J Neurol*. 2023; 270(7): 3341-3368. doi:10.1007/s00415-023-11634-0.
7. Ma X, Kermodé AG, Hu X, et al. Risk of relapse in patients with neuromyelitis optica spectrum disorder: Recognition and preventive strategy. *Mult Scler Relat Disord*. 2020;46doi:10.1016/j.msard.2020.102522.
8. Clarke L, Arnett S, Bukhari W, et al. MRI Patterns Distinguish AQP4 Antibody Positive Neuromyelitis Optica Spectrum Disorder From Multiple Sclerosis. *Front Neurol*. 2021;12doi:10.3389/fneur.2021.722237.

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÒNG NGỪA NHIỄM KHUẨN VẾT MỖ CỦA ĐIỀU DƯỠNG TẠI CÁC KHOA NGOẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA NAM ĐỊNH

Bùi Chí Anh Minh¹,

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ của điều dưỡng tại các khoa ngoại Bệnh viện Đa khoa Nam Định.

Phương pháp: Nghiên cứu định tính mô tả được thực hiện thông qua phỏng vấn bán cấu trúc với các điều dưỡng trực tiếp chăm sóc người bệnh phẫu thuật tại các khoa ngoại. Đối tượng được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu có chủ đích. Dữ liệu được ghi âm, phiên mã và phân tích theo phương pháp phân tích nội dung nhằm xác định các chủ đề liên quan đến sự tuân thủ phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ.

Kết quả: Kết quả nghiên cứu cho thấy phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ của điều dưỡng chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố. Các rào cản chính bao gồm khối lượng công việc lớn, thiếu nhân lực và hạn chế về cơ sở vật chất. Bên cạnh đó, nhận thức của điều dưỡng, các chương trình đào tạo về kiểm soát nhiễm khuẩn, sự hỗ trợ của lãnh đạo khoa và sự phối hợp trong nhóm chăm sóc là những yếu tố thúc đẩy sự tuân thủ.

Kết luận: Sự tuân thủ phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ của điều dưỡng chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố liên quan đến cá nhân, điều kiện làm việc và môi trường tổ chức. Việc nhận diện các yếu tố này giúp đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm soát nhiễm khuẩn và chất lượng chăm sóc người bệnh phẫu thuật.

Từ khóa: Nhiễm khuẩn vết mổ; tuân thủ của điều dưỡng; phòng ngừa nhiễm khuẩn; hướng dẫn thực hành lâm sàng; Khoa ngoại.

¹Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định
Chịu trách nhiệm chính: Bùi Chí Anh Minh
Email: minhbmnoihdd@gmail.com

Mã bài: D077

Ngày nhận bài: 15/3/2026

Ngày phản biện khoa học: 6/3/2026

Ngày duyệt bài: 15/4/2026

SUMMARY

FACTORS AFFECTING THE PREVENTION OF SURGICAL SITE INFECTION AMONG NURSES IN SURGICAL DEPARTMENTS AT NAM DINH GENERAL HOSPITAL

Objective: To identify factors affecting the prevention of surgical site infection prevention guidelines in surgical departments at Nam Dinh General Hospital.

Methods: A descriptive qualitative study was conducted using semi-structured interviews with nurses who were directly involved in the care of surgical patients in surgical departments. Participants were selected through purposive sampling. Data were audio-recorded, transcribed verbatim, and analyzed using content analysis to identify key themes related to adherence to surgical site infection prevention guidelines.

Results: The findings indicated that nurses' adherence to surgical site infection prevention was influenced by multiple factors. Major barriers included heavy workload, shortage of nursing staff, and limitations in facilities and medical supplies. In addition, nurses' awareness of infection prevention, training programs on infection control, leadership support, and effective teamwork within the healthcare team were identified as important facilitators promoting adherence.

Conclusion: Nurses' adherence to surgical site infection prevention is influenced by factors related to individual nurses, working conditions, and the organizational environment. Identifying these factors provides an important basis for developing strategies to improve infection prevention practices and enhance the quality of surgical patient care.

Keywords: *Surgical site infection; nurses' adherence; infection prevention; clinical practice guidelines; Surgical departments.*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhiễm khuẩn vết mổ (NKVM) là một trong những loại nhiễm khuẩn liên quan đến chăm sóc y tế thường gặp trong thực hành ngoại khoa. NKVM làm kéo dài thời gian nằm viện, tăng chi phí điều trị và gia tăng nguy cơ biến chứng, tử vong ở người bệnh sau phẫu thuật. Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), tỷ lệ NKVM khoảng 2–5% tại các nước phát triển và có thể lên tới 20% ở các nước đang phát triển [1].

Để giảm nguy cơ NKVM, nhiều hướng dẫn thực hành lâm sàng dựa trên bằng chứng đã được xây dựng, bao gồm các biện pháp phòng ngừa trước, trong và sau phẫu thuật như vệ sinh tay, chuẩn bị vùng phẫu thuật, sử dụng kháng sinh dự phòng hợp lý và chăm sóc vết mổ đúng quy trình [2]. Tại Việt Nam, Bộ Y tế đã ban hành hướng dẫn phòng ngừa NKVM nhằm chuẩn hóa các biện pháp kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám chữa bệnh [3].

Điều dưỡng đóng vai trò quan trọng trong thực hiện các biện pháp phòng ngừa NKVM. Tuy nhiên, mức độ tuân thủ các hướng dẫn này trong thực hành còn chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như kiến thức,

thái độ, kinh nghiệm, khối lượng công việc và điều kiện cơ sở vật chất [4].

Tại Việt Nam, các nghiên cứu về tuân thủ hướng dẫn phòng ngừa NKVM của điều dưỡng vẫn còn hạn chế, đặc biệt trong bối cảnh các khoa ngoại. Vì vậy, nghiên cứu “*Các yếu tố ảnh hưởng đến phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ của điều dưỡng tại các khoa ngoại Bệnh viện Đa khoa Nam Định*” được thực hiện nhằm xác định các yếu tố liên quan đến mức độ tuân thủ của điều dưỡng trong phòng ngừa NKVM tại bệnh viện.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là điều dưỡng đang công tác tại các khoa ngoại của Bệnh viện Đa khoa Nam Định, trực tiếp tham gia chăm sóc người bệnh phẫu thuật và thực hiện các biện pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ theo hướng dẫn chuyên môn.

Tiêu chuẩn lựa chọn:

Điều dưỡng đang làm việc tại các khoa ngoại của Bệnh viện Đa khoa Nam Định.

Trực tiếp tham gia chăm sóc người bệnh trước và sau phẫu thuật.

Có thời gian công tác tại khoa từ 01 năm trở lên.

Tự nguyện tham gia nghiên cứu và đồng ý cung cấp thông tin.

Tiêu chuẩn loại trừ:

Điều dưỡng đang trong thời gian nghỉ thai sản, nghỉ dài hạn hoặc không trực tiếp tham gia chăm sóc người bệnh phẫu thuật.

Điều dưỡng không đồng ý tham gia nghiên cứu.

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 3 năm 2025 đến tháng 9 năm 2025

Địa điểm nghiên cứu: Các khoa ngoại tại Bệnh viện Đa khoa Nam Định.

2.3. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu được thiết kế theo phương pháp định tính mô tả nhằm khám phá các yếu tố ảnh hưởng đến phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ của điều dưỡng trong thực hành lâm sàng. Đối tượng nghiên cứu được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu có chủ đích để đảm bảo sự đa dạng về độ tuổi, thời gian công tác và kinh nghiệm làm việc. Quá trình thu thập dữ liệu được thực hiện cho đến khi đạt được sự bão hòa thông tin.

2.4. Phương pháp thu thập số liệu

Dữ liệu được thu thập thông qua phỏng vấn sâu bán cấu trúc với các điều dưỡng tại các khoa ngoại. Nội dung phỏng vấn tập trung vào nhận thức về phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ, thực hành tuân thủ các hướng dẫn, các yếu tố thuận lợi và rào cản trong

quá trình thực hiện. Các cuộc phỏng vấn được thực hiện trực tiếp, có ghi âm và ghi chép, sau đó được phiên mã đầy đủ để phục vụ phân tích.

2.5. Quản lý, xử lý và phân tích số liệu

Dữ liệu phỏng vấn được mã hóa, lưu trữ bảo mật và phân tích theo phương pháp phân tích nội dung. Các đơn vị ý nghĩa được mã hóa, nhóm thành các chủ đề và tiểu chủ đề phản ánh các yếu tố ảnh hưởng đến phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ của điều dưỡng. Kết quả được trình bày dưới dạng mô tả, kèm theo các trích dẫn tiêu biểu từ người tham gia nghiên cứu nhằm minh họa cho các chủ đề được xác định.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng tham gia nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên các điều dưỡng đang công tác tại các khoa ngoại của Bệnh viện Đa khoa Nam Định. Các điều dưỡng tham gia nghiên cứu có độ tuổi và thời gian công tác khác nhau, đảm bảo sự đa dạng về kinh nghiệm lâm sàng trong chăm sóc người bệnh phẫu thuật. Phần lớn điều dưỡng tham gia nghiên cứu có trình độ đại học điều dưỡng và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong chăm sóc người bệnh ngoại khoa. Nhiều người đã từng tham gia các khóa đào tạo hoặc tập huấn liên quan đến kiểm soát nhiễm khuẩn và phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ. Sự đa dạng về độ tuổi, trình độ chuyên môn và kinh nghiệm công tác giúp cung cấp những góc nhìn phong phú về việc tuân thủ các hướng dẫn phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ trong thực hành lâm sàng.

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ của điều dưỡng

Kết quả nghiên cứu cho thấy đa số điều dưỡng nhận thức rõ tầm quan trọng của việc phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ trong chăm sóc người bệnh phẫu thuật. Các điều dưỡng cho rằng nhiễm khuẩn vết mổ không chỉ làm kéo dài thời gian nằm viện mà còn làm tăng chi phí điều trị, ảnh hưởng đến kết quả phẫu thuật và chất lượng cuộc sống của người bệnh. Vì vậy, việc tuân thủ các hướng dẫn phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ được xem là một nhiệm vụ quan trọng trong thực hành chăm sóc điều dưỡng. Mức độ hiểu biết và cập nhật các hướng dẫn phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ giữa các điều dưỡng chưa hoàn toàn đồng đều. Một số điều dưỡng cho biết họ chủ yếu tiếp cận các hướng dẫn thông qua các buổi tập huấn hoặc sinh hoạt chuyên môn tại khoa, trong khi những người khác dựa nhiều vào kinh nghiệm thực hành hoặc hướng dẫn của đồng nghiệp. Điều này cho thấy việc cập nhật kiến thức về phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ vẫn còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau.

Một trong những rào cản được điều dưỡng nhắc đến nhiều nhất là khối lượng công việc lớn và áp lực nhân lực tại các khoa ngoại. Trong nhiều thời điểm,

số lượng người bệnh đông trong khi số lượng điều dưỡng còn hạn chế khiến việc thực hiện đầy đủ tất cả các biện pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn theo hướng dẫn gặp nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó, điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị cũng được xem là yếu tố ảnh hưởng đến việc tuân thủ hướng dẫn. Một số điều dưỡng cho rằng trong một số tình huống lâm sàng, việc thiếu vật tư hoặc trang thiết bị cần thiết có thể làm giảm khả năng thực hiện đầy đủ các quy trình phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ. Một số điều dưỡng cho biết sự khác biệt giữa hướng dẫn lý thuyết và thực hành lâm sàng cũng là một khó khăn. Trong thực tế chăm sóc người bệnh, nhiều tình huống phát sinh đòi hỏi điều dưỡng phải linh hoạt điều chỉnh các biện pháp chăm sóc, khiến việc tuân thủ hoàn toàn theo các hướng dẫn chuẩn đôi khi gặp trở ngại.

Bên cạnh các rào cản, nghiên cứu cũng ghi nhận nhiều yếu tố có thể thúc đẩy phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ của điều dưỡng. Trong đó, đào tạo và tập huấn chuyên môn về kiểm soát nhiễm khuẩn được xem là yếu tố quan trọng giúp nâng cao kiến thức và kỹ năng của điều dưỡng trong thực hành phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ. Sự hỗ trợ và giám sát của lãnh đạo khoa cũng được xem là yếu tố thúc đẩy việc tuân thủ các hướng dẫn lâm sàng. Khi lãnh đạo khoa quan tâm và thường xuyên nhắc nhở về các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn, điều dưỡng có xu hướng thực hiện các biện pháp phòng ngừa một cách nghiêm túc và đầy đủ hơn. Sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm chăm sóc, bao gồm bác sĩ, điều dưỡng và nhân viên kiểm soát nhiễm khuẩn, cũng góp phần quan trọng trong việc đảm bảo thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ trong thực hành lâm sàng.

Kết quả nghiên cứu cho thấy môi trường làm việc và văn hóa an toàn người bệnh tại bệnh viện có ảnh hưởng đáng kể đến phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ của điều dưỡng. Khi bệnh viện có hệ thống hướng dẫn rõ ràng, quy trình chuyên môn được chuẩn hóa và có sự giám sát thường xuyên, điều dưỡng có xu hướng tuân thủ các hướng dẫn tốt hơn. Sự quan tâm của bệnh viện đối với công tác kiểm soát nhiễm khuẩn, thông qua việc tổ chức các hoạt động đào tạo, kiểm tra và đánh giá định kỳ, cũng góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của điều dưỡng trong việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ.

IV. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ của điều dưỡng tại các khoa ngoại Bệnh viện Đa khoa Nam Định chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm nhận thức và năng lực chuyên môn của điều dưỡng, điều kiện làm việc, sự hỗ trợ của tổ chức và môi trường bệnh viện. Điều này cho thấy việc tuân thủ các hướng dẫn phòng

ngừa nhiễm khuẩn vết mổ không chỉ phụ thuộc vào kiến thức cá nhân của điều dưỡng mà còn chịu tác động của nhiều yếu tố thuộc hệ thống chăm sóc y tế.

Kết quả nghiên cứu ghi nhận đa số điều dưỡng nhận thức rõ tầm quan trọng của việc phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ trong chăm sóc người bệnh phẫu thuật. Điều dưỡng cho rằng nhiễm khuẩn vết mổ có thể làm kéo dài thời gian nằm viện, tăng chi phí điều trị và ảnh hưởng đến kết quả điều trị của người bệnh. Nhận thức này phù hợp với các khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới, trong đó nhấn mạnh việc tuân thủ các biện pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ là một trong những chiến lược quan trọng nhằm giảm nhiễm khuẩn liên quan đến chăm sóc y tế và nâng cao chất lượng điều trị phẫu thuật [1]. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng cho thấy mức độ cập nhật kiến thức giữa các điều dưỡng chưa hoàn toàn đồng đều, điều này cho thấy nhu cầu cần tăng cường đào tạo và cập nhật kiến thức về kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành chăm sóc người bệnh.

Một trong những rào cản quan trọng được ghi nhận trong nghiên cứu là khối lượng công việc lớn và tình trạng thiếu nhân lực tại các khoa ngoại. Khi số lượng người bệnh đông trong khi nhân lực điều dưỡng còn hạn chế, việc thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn theo hướng dẫn có thể gặp nhiều khó khăn. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Lin và cộng sự, trong đó cho thấy áp lực công việc và thiếu nhân lực là những yếu tố phổ biến ảnh hưởng đến sự tuân thủ các hướng dẫn thực hành lâm sàng của điều dưỡng trong phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ [4].

Ngoài ra, điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị cũng được xem là yếu tố ảnh hưởng đến việc tuân thủ các hướng dẫn phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ. Trong một số tình huống lâm sàng, việc thiếu vật tư hoặc trang thiết bị cần thiết có thể làm giảm khả năng thực hiện đầy đủ các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn. Các nghiên cứu trước đây cũng cho thấy nguồn lực của bệnh viện và điều kiện làm việc của nhân viên y tế có ảnh hưởng đáng kể đến việc thực hiện các khuyến cáo phòng ngừa nhiễm khuẩn trong thực hành lâm sàng [2].

Nghiên cứu cũng ghi nhận sự khác biệt giữa hướng dẫn lý thuyết và thực hành lâm sàng trong một số tình huống chăm sóc người bệnh. Trong thực tế, điều dưỡng thường phải linh hoạt điều chỉnh các biện pháp chăm sóc để phù hợp với tình trạng người bệnh và điều kiện làm việc tại khoa. Những khó khăn này cũng đã được ghi nhận trong các nghiên cứu trước đây về tuân thủ hướng dẫn lâm sàng, cho thấy khoảng cách giữa khuyến cáo chuyên môn và thực hành thực tế có thể ảnh hưởng đến việc áp dụng các hướng dẫn trong chăm sóc người bệnh [5].

Bên cạnh các rào cản, nghiên cứu cũng xác định

một số yếu tố thúc đẩy phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ của điều dưỡng. Trong đó, đào tạo và tập huấn chuyên môn về kiểm soát nhiễm khuẩn được xem là yếu tố quan trọng giúp nâng cao kiến thức và kỹ năng thực hành của điều dưỡng. Các chương trình đào tạo liên tục giúp điều dưỡng cập nhật các khuyến cáo mới về phòng ngừa nhiễm khuẩn và tăng cường khả năng áp dụng các biện pháp kiểm soát nhiễm khuẩn trong chăm sóc người bệnh phẫu thuật [1].

Sự hỗ trợ và giám sát của lãnh đạo khoa cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy việc tuân thủ các hướng dẫn lâm sàng. Khi lãnh đạo khoa quan tâm và thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy trình chuyên môn, điều dưỡng có xu hướng tuân thủ các biện pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn một cách nghiêm túc và đầy đủ hơn. Ngoài ra, việc xây dựng văn hóa an toàn người bệnh và tăng cường sự tham gia của các thành viên trong nhóm chăm sóc cũng được xem là yếu tố quan trọng giúp cải thiện thực hành phòng ngừa nhiễm khuẩn tại bệnh viện [6].

Kết quả nghiên cứu cũng nhấn mạnh vai trò của sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm chăm sóc, bao gồm bác sĩ, điều dưỡng và nhân viên kiểm soát nhiễm khuẩn. Sự phối hợp hiệu quả giữa các thành viên giúp đảm bảo các biện pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn được thực hiện đồng bộ trong suốt quá trình chăm sóc người bệnh phẫu thuật. Điều này cho thấy việc tăng cường phối hợp liên chuyên khoa và xây dựng môi trường làm việc hỗ trợ là yếu tố quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ trong thực hành lâm sàng.

V. KẾT LUẬN

Sự tuân thủ phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ của điều dưỡng tại các khoa ngoại Bệnh viện Đa khoa Nam Định chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm nhận thức và kiến thức của điều dưỡng, khối lượng công việc, nhân lực, điều kiện cơ sở vật chất và môi trường tổ chức trong bệnh viện. Bên cạnh đó, các yếu tố như đào tạo chuyên môn về kiểm soát nhiễm khuẩn, sự hỗ trợ và giám sát của lãnh đạo khoa, cũng như sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm chăm sóc có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự tuân thủ các hướng dẫn phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ. Việc nhận diện các yếu tố ảnh hưởng này là cơ sở quan trọng để đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kiểm soát nhiễm khuẩn và chất lượng chăm sóc người bệnh phẫu thuật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **World Health Organization.** (2018). Global guidelines for the prevention of surgical site infection (2nd ed.). World Health Organization.
2. **Berrios-Torres, S. I., Umscheid, C. A., và cộng sự** (2017). Centers for Disease Control and Prevention guideline for the prevention of surgical site infection,

2017. JAMA Surgery, 152(8), 784–791.

3. **Bộ Y tế.** (2012). *Hướng dẫn phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ* (Quyết định số 3671/QĐ-BYT ngày 27/9/2012). Bộ Y tế.
4. **Lin, F., Gillespie, B. M., Chaboyer, W., & Marshall, A. P.** (2019). Facilitators and barriers to nurses' adherence to clinical practice guidelines for surgical site infection prevention: A qualitative study. *Journal of Clinical Nursing*, 28(23–24), 4447–4458.
5. **Gillespie, B. M., và cộng sự** (2015). Effect of using a risk assessment tool and care bundle to prevent surgical site infection: A randomized controlled trial. *Annals of Surgery*, 262(2), 336–343.
6. **Tartari, E., và cộng sự** (2021). Patient engagement with surgical site infection prevention: An expert consensus. *Antimicrobial Resistance & Infection Control*, 10, 1–9.

ĐẶC ĐIỂM DỊCH TỄ VÀ LÂM SÀNG CỦA DỊ ỨNG THUỐC TẠI BỆNH VIỆN DA LIỄU TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hữu Hà¹, Trần Ngọc Ánh², Phạm Đình Cao Minh³

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả đặc điểm dịch tễ, biểu hiện lâm sàng và các yếu tố liên quan của bệnh nhân dị ứng thuốc điều trị tại Bệnh viện Da Liễu TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2015–2016.

Phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 80 bệnh nhân được chẩn đoán dị ứng thuốc tại Bệnh viện Da Liễu Tp.HCM 2015-2016.

Kết quả: Tuổi trung bình $33,7 \pm 14,6$, nhóm 20–39 tuổi chiếm 52,5%. Nam giới chiếm đa số (63,75%). Nhóm nghề nghiệp thường gặp là công nhân (28,75%) và học sinh–sinh viên (26,25%). 71,25% bệnh nhân có trình độ trung học; 56,25% cư trú tại các tỉnh. Thời gian xuất hiện triệu chứng đa số trong vòng 1–7 ngày (67,5%). Hồng ban đa dạng (26,25%) là thể lâm sàng thường gặp nhất. Tổn thương niêm mạc gặp ở 43,75% trường hợp, chủ yếu ở SJS/TEN. Dị ứng thuốc mức độ nhẹ chiếm 73,75%. Tổn thương niêm mạc có mối liên quan rõ rệt với dị ứng thuốc mức độ nặng ($p = 0.000$).

Kết luận: Dị ứng thuốc thường gặp ở nam giới trong độ tuổi lao động, chủ yếu có phản ứng da nhẹ đến trung bình. Việc tự sử dụng thuốc vì bệnh thông thường vẫn phổ biến, đòi hỏi tăng cường hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn và cảnh giác được.

Từ khóa: Dị ứng thuốc, Stevens–Johnson, đặc điểm lâm sàng, cảnh giác được.

SUMMARY

EPIDEMIOLOGICAL AND CLINICAL CHARACTERISTICS OF DRUG ALLERGY AT HO CHI MINH CITY DERMATOLOGY HOSPITAL

Objective: To describe the epidemiological characteristics, clinical manifestations, and related factors of patients with drug allergies treated at Ho Chi

Minh City Dermatology Hospital during 2015–2016.

Methods: A cross-sectional descriptive study was conducted on 80 patients diagnosed with drug allergy at Ho Chi Minh City Dermatology Hospital from 2015 to 2016.

Results: The mean age was 33.7 ± 14.6 , with the 20–39 age group accounting for 52.5%. Males made up the majority (63.75%). The most common occupations were laborers (28.75%) and students (26.25%). Most patients had a high school education (71.25%) and lived in provincial areas (56.25%). Symptoms appeared within 1–7 days after drug use in 67.5% of cases. Erythema multiforme was the most common clinical presentation (26.25%). Mucosal involvement was observed in 43.75% of cases, mainly among patients with severe reactions (SJS/TEN). Mild drug allergies accounted for 73.75%. There was a strong association between mucosal involvement and severe drug allergy ($p = 0.000$).

Conclusion: Drug allergies predominantly affect males of working age, mostly presenting with mild to moderate skin reactions. The widespread self-medication for common ailments underscores the need for improved community education on safe medication use and pharmacovigilance.

Keywords: Drug allergy, Stevens–Johnson syndrome, clinical characteristics, pharmacovigilance.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Dị ứng thuốc là một phản ứng bất lợi của cơ thể với thuốc có cơ chế miễn dịch học, xuất hiện khi hệ thống miễn dịch nhận diện thuốc hoặc chất chuyển hóa của thuốc như một kháng nguyên lạ, dẫn đến kích hoạt quá mức phản ứng miễn dịch dịch thể hoặc tế bào [1,2]. Dị ứng là một trong những nguyên nhân quan trọng gây nhập viện, kéo dài thời gian điều trị, thậm chí tử vong.

Tại Việt Nam, nhiều nghiên cứu từ thập niên 1990 và 2000 đã xác định tỷ lệ dị ứng thuốc trong dân số khá cao, đặc biệt kháng sinh β -lactam và thuốc chống viêm không steroid (NSAIDs) là nguyên nhân hàng đầu của dị ứng thuốc [3–5]. Tuy nhiên, phần lớn dữ liệu tập trung ở miền Bắc, trong khi đặc điểm dịch tễ và lâm sàng tại khu vực phía Nam, đặc biệt tại Bệnh

¹ Bệnh viện Da Liễu thành phố Hồ Chí Minh

² Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

³ Phòng Khám Alma Clinic

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Hữu Hà

Email: dr.nguyenhuuha@outlook.com

Mã bài: N348

Ngày nhận bài: 24/3/2026

Ngày phản biện khoa học: 11/3/2026

Ngày duyệt bài: 24/5/2026